

Số: /KH-MNHL

Phủ Cường, ngày ... tháng ... năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC **NĂM HỌC 2024 – 2025**

Căn cứ vào Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành khung thời gian năm học 2024 -2025 đối với GDMN, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ công văn số 2094/PGDĐT-GDMN ngày 20/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị,

Bộ phận chuyên môn trường Mầm non Hoa Lan xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục năm học 2024 -2025 như sau:

A - THÔNG TIN CHUNG :

1. Tình hình đội ngũ :

Tổng số cán bộ giáo viên nhân viên toàn trường 29 người.

- Ban giám hiệu: 03 người

- Giáo viên: 15 người

- Nhân viên: 11 người (01 kế toán – 01 văn thư, 04 bảo vệ, 05 cấp dưỡng)

2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

- Ban giám hiệu: 03 / 03 ĐHMN

Giáo viên: 15 người

+ ĐHMN: 10 người

+ CĐMN: 05 người

+ Hành chánh: 01 TCKT.

3. Quy mô nhóm lớp:

- Trường có 176 trẻ/ 7 lớp, số lượng trẻ theo chỉ tiêu qui định điều lệ trường mầm non cụ thể như sau:

+ Lớp Nhóm 25-36 tháng: 13 trẻ (1) Nhóm)

+ Lớp Mầm: 47 trẻ (2 lớp)

+ Lớp Chồi: 48 trẻ (2 lớp)

+ Lớp Lá: 68 trẻ (2 lớp)

B- MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC:

1. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ nhà trẻ: 24-36 tháng tuổi.

1.1 Phát triển thể chất:

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Trẻ thích nghi được với chế độ giờ giấc sinh hoạt của nhóm I

- Thực hiện được các bài tập vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Trẻ có được một số tố chất vận động ban đầu nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể (đi thẳng người, chạy theo hướng thẳng không mất thăng bằng, bật xa bằng 2 chân khoảng 20 cm...).
- Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
- Trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay, mắt (xâu, xếp, ghép hình...).

1.2 Phát triển nhận thức:

- Trẻ thích tìm hiểu, thích khám phá đồ vật, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan, có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc (gọi tên và nói được chức năng của một số bộ phận trên cơ thể, biết tên cô giáo và một số bạn trong lớp, biết dùng một số vật thay thế trong trò chơi, nhận biết được một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ vật, hoa quả, cây cối, con vật gần gũi (màu sắc, hình dạng, kích thước...) và công dụng. Nhận ra được 3 màu cơ bản (xanh, đỏ, vàng...).

1.3 Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu, diễn đạt được bằng các lời nói, các yêu cầu đơn giản.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản để làm gì? Tại sao?...
- Trẻ phát âm rõ từ, biết sử dụng lời nói, cử chỉ để diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói, đọc được thơ, kể lại truyện theo tranh.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4 Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt.
- Trẻ thích chơi với bạn, nhận biết được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi...
- Biết thực hiện được các yêu cầu đơn giản của người lớn.
- Trẻ biết chào hỏi, cảm ơn...
- Biết được một số việc được phép làm, không được phép làm.
- Thích hát, hát một số bài hát quen thuộc và thực hiện các động tác vận động đơn giản theo nhạc.

- Thích vẽ, xé dán, xếp hình...biết cầm bút, phấn...vẽ ngoặc ngoạc các nét.

2. Mục tiêu chương trình giáo dục mẫu giáo

2.1. Khối mầm:

a. Phát triển thể chất

- Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A, cụ thể :

Trẻ trai : Cân nặng đạt $12,9 - 20,8 \text{ kg} \rightarrow 16,7 \pm 3,8 \text{ kg}$.

Chiều cao đạt $94,4 - 111,5 \text{ cm} \rightarrow 102,9 \pm 8,5 \text{ cm}$.

Trẻ gái : Cân nặng đạt $12,6 - 20,7 \text{ kg} \rightarrow 16,0 \pm 3,4 \text{ kg}$.

Chiều cao đạt $93,5 - 109,6 \text{ cm} \rightarrow 101 \pm 7,1 \text{ cm}$.

- Đi , chạy phối hợp chân tay nhịp nhàng.
- Giữ được thăng bằng trên một chân

- Ném xa bằng 1 tay
- Cầm kéo cắt
- Rửa tay, lau mặt, đánh răng, cởi quần áo có sự giúp đỡ.
- Cầm được bình rót nước vào cốc.
- Nhận biết được một số vật dụng và nơi nguy hiểm.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

b. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi : Ai đây? Cái gì đây? ...
- Nói được một vài đặc điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng quen thuộc.
- Nhận biết được sự thay đổi rõ nét của sự vật, hiện tượng.
- Nhận biết được tay phải, tay trái của bản thân.
- Đếm được trong phạm vi 5.
- Nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng.
- Gọi đúng tên hình tròn, hình vuông, hình tam giác.
- Nhận biết một số nghề phổ biến, gần gũi.
- Biết họ và tên của bản thân, tên của người thân trong gia đình, tên trường, lớp mầm non.

c. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản.
- Diễn đạt nhu cầu, mong muốn để người khác hiểu.
- Trả lời được một số câu hỏi của người khác.
- Kể lại chuyện dựa theo câu hỏi.

d. Phát triển tình cảm xã hội

- Thích chơi cùng bạn, không tranh giành đồ chơi.
- Có biểu hiện quan tâm đến người thân.
- Cảm nhận được một số trạng thái cảm xúc của người khác và có biểu lộ phù hợp .
- Chấp nhận yêu cầu và làm theo chỉ dẫn đơn giản của người khác.
- Biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép.
- Biết bỏ rác đúng nơi quy định, cất dọn đồ dùng, đồ chơi.
- Cố gắng tự thực hiện các công việc được giao.

e. Phát triển thẩm mỹ

- Trẻ bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi.
- Trẻ thích hát, nghe hát, nghe nhạc.
- Biết hát kết hợp với vận động đơn giản : nhún nhảy, giậm chân, vỗ tay.

2.2 Khối chồi

a. Phát triển thể chất

- Cân nặng và chiều cao nằm trong mức bình thường, cụ thể :
 - + Trẻ trai: Cân nặng đạt 14,4 – 23,5 kg.
Chiều cao đạt 100,7 – 119,1 cm.
 - + Trẻ gái: Cân nặng đạt 13,8 – 23,2 kg.
Chiều cao đạt 99,5 – 117,2 cm
- Bò chui không bị chạm vào vật.
- Giữ được thăng bằng trên một chân trong 5 giây
- Chạy đổi hướng theo vật chuẩn.

- Ném xa 3m bằng hai tay.
- Bật xa 35 – 40 cm
- Cắt được theo đường thẳng.
- Rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng
- Cởi và mặc quần áo
- Phân biệt được một số vật dụng nguy hiểm, nơi an toàn và không an toàn.

b. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi: Tại sao? Để làm gì?...
- Nhận biết được một số đặc điểm giống nhau và khác nhau của bản thân với người gần gũi.
- Phân loại được các đối tượng theo 1 – 2 dấu hiệu cho trước.
- Nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc.
- Nhận biết được phía phải, phía trái của bản thân.
- Nhận biết các buổi sáng – trưa – chiều – tối.
- Đếm được trong phạm vi 10.
- Có biểu tượng về số trong phạm vi 5
- So sánh và sử dụng các từ: bằng nhau, to hơn – nhỏ hơn, cao hơn – thấp hơn, rộng hơn – hẹp hơn, nhiều hơn – ít hơn...
- Nhận biết được sự giống nhau giữa các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật qua một vài dấu hiệu nổi bật.
- Nhận biết một số công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề phổ biến và gần gũi.
- Nói được địa chỉ, số điện thoại của gia đình
- Biết tên của một vài danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

c. Phát triển ngôn ngữ

- Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu bằng câu đơn, câu ghép
- Đọc thơ, kể lại chuyện diễn cảm.
- Kể lại được sự việc theo trình tự.
- Chú ý lắng nghe người khác nói.

d. Phát triển tình cảm xã hội

- Chơi thân thiện với bạn.
- Thể hiện sự quan tâm đến người khác bằng lời nói, cử chỉ, hành động...
- Thực hiện công việc được giao đến cùng.
- Thực hiện một số quy định trong gia đình, trường, lớp mầm non, nơi công cộng.
- Giữ gìn, bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật, cây cảnh: giữ gìn đồ dùng, đồ chơi.

e. Phát triển thẩm mỹ

- Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật.
- Thích nghe nhạc, nghe hát; chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc; hát đúng, hát diễn cảm bài hát mà trẻ yêu thích.
- Phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc.
- Vận động phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, dậm chân, nhún nhảy, múa...).

- Biết sử dụng các dụng cụ, vật liệu, phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm có nội dung và bố cục đơn giản.

- Biết thể hiện xen kẽ màu, hình trong trang trí đơn giản.

- Biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

2.3. Khối lá

a. Phát triển thể chất

- Cân nặng và chiều cao nằm trong mức bình thường cụ thể:

- Trẻ trai: cân nặng từ 16,0 – 26,6kg; chiều cao từ 106,4 – 125,8cm

- Trẻ gái: cân nặng từ 15,0 – 26,2kg; chiều cao từ 104,8 – 124,5cm

- Đi nổi gót giắt lùi 5 bước

- Chạy 18m trong khoảng 10 giây

- Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh

- Bò theo đường dích dắc

- Ném xa 4m bằng hai tay

- Bật xa 50 – 60cm

- Cắt được đường tròn

- Có thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, khi tay bẩn và sau khi đi vệ sinh.

- Biết tự đánh răng, lau mặt.

- Biết tránh xa những vật dụng nguy hiểm, nơi không an toàn.

b. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: tại sao? Để làm gì?

Làm thế nào? Khi nào?

- Phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.

- Phân loại được một số đối tượng theo 2 -3 dấu hiệu cho trước. Tự tìm ra dấu hiệu phân loại.

- Nhận biết được phía phải, phía trái của người khác.

- Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai.

- Có biểu tượng về số trong phạm vi 10, thêm bớt trong phạm vi 10.

- Phân biệt các hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật qua các đặc điểm nổi bật.

- So sánh và sử dụng được các từ: To nhất – nhỏ hơn – nhỏ nhất; cao nhất – thấp hơn – thấp nhất; rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất; nhiều nhất – ít hơn – ít nhất.

- Phân biệt một số công cụ, sản phẩm, công việc, ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương.

- Biết được một số công việc của các thành viên trong gia đình, của giáo viên và trẻ trong lớp, trường mầm non.

- Nhận biết được vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước

c. Phát triển ngôn ngữ

- Nhận dạng được các chữ cái và phát âm được các âm đó

- Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu.

- Hiểu được một số từ trái nghĩa

- Tham gia có sáng tạo trong các hoạt động ngôn ngữ: đóng kịch, kể chuyện...

- “Đọc” và sao chép được một số kí hiệu.

- Mạnh dạng, tự tin, chủ động trong giao tiếp.

d. Phát triển tình cảm xã hội

- Hợp tác, chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.
- Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và mọi người xung quanh.
- Có hành vi, thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.
- Vui vẻ nhận và thực hiện công việc được giao đến cùng.
- Thực hiện một số quy định trong gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng.
- Giữ gìn và bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc các con vật nuôi, cây cảnh, giữ gìn đồ chơi, đồ dùng, có ý thức tiết kiệm.

e. Phát triển thẩm mỹ

- Thích tìm hiểu và biết bộc lộ cảm xúc phù hợp với vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.
- Thích nghe nhạc, nghe hát. Chăm chú lắng nghe và nhận ra những giai điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc.
- Hát đúng và biết thể hiện sắc thái tình cảm qua các bài hát mà trẻ yêu thích.
- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc: vỗ tay, đập chân, nhún nhảy, múa...
- Biết sử dụng các công cụ âm nhạc để gõ đệm theo các tiết tấu của bài hát, bản nhạc một cách phù hợp.
- Biết lựa chọn và sử dụng các dụng cụ, vật liệu đa dạng: biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra các sản phẩm tạo hình có nội dung và bố cục cân đối, màu sắc hài hòa.
- Biết sử dụng các màu sắc khác nhau như đỏ, xanh, vàng, hồng, nâu, tím, da cam để tạo ra các sản phẩm.
- Biết phối hợp màu sắc, hình khối và đường nét trong trang trí.
- Biết nhận xét, giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

1.1 NHÀ TRẺ Nhóm 25 – 36 tháng tuổi

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp, tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Phối hợp, tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản

3	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Chạy theo hướng thẳng. - Đứng co một chân.
4	- Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 – 1,2 m.	* Tập nhún, bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ * Tập tung, ném, bắt: - Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1 m. - Ném bóng vào đích xa 1 – 1,2 m - Ném bóng về phía trước.
5	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném xa lên phía trước bằng một tay tối thiểu 1,5m. - Ném bóng qua dây.
6	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tô chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 – 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
8	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
9	- Ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
10	- Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống sôi; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; Bỏ rác đúng nơi quy định.
11	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	* Tập tự phục vụ: - Tự xúc cơm ăn, lấy ca uống nước. - Tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.
12	- Biết đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc áo ấm khi trời lạnh.	- Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh

	13	- Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Không chạy chơi trên lòng đường - Không chơi gần ao, hồ, giếng... - Tránh nơi bếp đang đun, phích nước nóng, xô đựng nước...
	14	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không leo trèo lên lan can khi được nhắc nhở. - Không chơi nghịch các vật sắc nhọn
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	15	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn - chua)
	16	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Số lượng một - nhiều - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp
	17	- Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	18	- Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	19	- Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
	20	- Biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.
	21	- Biết lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	22	- Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
	23	- Trả lời các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ... làm gì? Thế nào?...	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào? - Trả lời và đặt các câu hỏi : Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Tại sao?.
	24	- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
	25	- Phát âm rõ tiếng.	- Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.
	26	- Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng.
	27	- Nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Chào hỏi, trò chuyện - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
	28	- Biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Biết hỏi về các vấn đề quan tâm như “Con gì đây? Cái gì đây?”...	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu?... Thế nào? để làm gì? Tại sao?...
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	29	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
	30	- Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	31	- Biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
	32	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên
	33	- Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
	34	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	35	- Biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi. bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. - Gọi tên, bắt chước tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, gần gũi.

	36	- Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
	37	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế em, khuấy bột, cho em bé ăn, nghe điện thoại...)	- Chơi trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điện thoại. - Trò chuyện với em khi cho em ăn, chơi với em.
	38	- Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
	39	- Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
	40	- Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
	41	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh

1.2 Khối Mầm 3 – 4 tuổi

LĨNH VỰC	SỐ THỨ TỰ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi chạy làm theo người dẫn đầu +Chạy theo đường thẳng
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhạy của đôi mắt.	- Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
	4	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	-Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương.
	5	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	- Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất).
	6	- Biết phối hợp vận động các giác quan.Bật tiến về phía trước.	- Bật tiến về phía trước.
	7	- Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài.	- Đi, bò chui qua cổng
	8	- Phối hợp tay - mắt trong vận động	- Tung và đập bóng

		+Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) +Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp (bóng 18cm)	
	9	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: +Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m	- Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang
	10	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m	- Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	11	- Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn sấp
	12	- Cháu phát triển vận động như: Ném xa bằng 2 tay.	- Ném xa bằng 2 tay
	13	- Biết phối hợp vận động các giác quan.Bật liên tục qua 5 ô vuông.	- Bật liên tục qua 5 ô vuông.
	14	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo khi trèo lên xuống thang.	- Trèo thang.
	15	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp vận động-các giác quan ném trúng đích.	- Ném trúng đích, đích thẳng đứng.
	16	- Phát triển một số vận động cơ bản: Ném trúng đích đích thẳng đứng, đi ngang bước dòn theo trò chơi : chọn quả	- Đi ngang bước dòn theo trò chơi chọn quả
	17	-Phát triển một số vận động cơ bản: Bật cụm chân theo 5 ô vuông, bật qua dây	- Bật cụm chân theo 5 ô vuông
	18	- Phát triển sự phối hợp vận động và các giác quan	- Bật qua dây
	19	- Phát triển một số vận động cơ bản mô phỏng các con vật; chạy, trườn sấp, bật tại chỗ, bật sâu, ném trúng đích.	- Bật tại chỗ theo trò chơi” nhảy cao như bóng nảy”
	20	- Phát triển sự nhanh nhẹn khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khoẻ dẻo dai cho trẻ.	- Bật sâu 15 cm. - Chạy 10 m
	21	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: +Ném trúng đích.	-Trườn sấp - Ném trúng đích theo trò chơi” cho cá ăn”
	22	- Trẻ phát triển khả năng vận động, mô phỏng lại công việc của 1 số nghề nghiệp quen thuộc.	- Chạy chui qua cổng theo trò chơi” thi xem tổ nào nhanh”

	23	- Trẻ biết các vận động cơ bản: chạy chui qua cổng, chạy nhanh.	- Chạy nhanh 15 m
	24	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu.	- Ném xa bằng 2 tay
	25	- Trẻ biết các vận động cơ bản: bật xa. 20-25 cm.	- Bật xa
	26	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	- Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn tàu”
	27	- Phát triển một số vận động cơ bản, bò chạy, chui qua cổng	- Bài tập tổng hợp: Bò chui qua cổng
	28	Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt - Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	- Đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
	29	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Xếp chồng 8-10 khối không đồ. + Vẽ hình tròn theo mẫu + Cắt được một đoạn dài 10cm. + Tự cài, cởi cúc	- Đan, tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé,dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô,vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc
	30	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường	Cháu có kỹ năng phân loại được các món ăn tại trường, và biết ăn uống nhai từ tốn, không nhai nhồm nhoàm, nói chuyện cười giỡn trong khi ăn.
	31	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường : cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + Cháu biết tập và rèn kỹ năng, rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt	- Cháu có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước +Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
	32	- Các cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.

33	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
34	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
35	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
36	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
37	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức	- Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát.v...
38	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
39	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
40	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
41	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
42	- Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	
43	- Cháu biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ,	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật

		cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	44	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	45	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	46	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?","vì sao lá cây bị ướt?"	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
	47	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	48	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	49	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người
	50	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu

51	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
52	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
53	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?", "là số mấy?"...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.
54	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
55	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
56	- Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn
57	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
58	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
59	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
60	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
61	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
62	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
63	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
64	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
65	- Biết họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.

	66	- Biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
	67	- Biết tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	68	- Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	69	- Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	70	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ít lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	71	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	72	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	73	-Biết sử dụng các từ chỉ người tên gọi đồ vật sự vật, hành động hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu
	74	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	75	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	76	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	77	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	78	- Kể lại được sự việc đơn giản.	- Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản.
		- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
	81	- Kể chuyện đơn giản đã được nghe và có sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại truyện đã được nghe, với sự giúp đỡ của người lớn.
	82	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Đóng kịch.
	83	- Sử dụng các từ như “ vâng ạ”, “Dạ”, “thưa” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép

	84	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	85	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	86	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	87	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	88	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	89	- Hát tự nhiên, hát được theo bài hát quen thuộc.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	90	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.
	91	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Xếp chồng xếp cạnh, xéo cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối.
	92	- Rèn cho trẻ các kĩ năng tạo hình.	- Rèn cho trẻ kĩ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng
	93	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	94	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
	95	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ
	96	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
	97	- Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Hoàn thành công việc được giao
	98	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	99	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.

	100	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
	101	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	- Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lắng Bác
	102	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	103	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"
	104	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	105	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	106	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	107	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	108	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Tiết kiệm điện, nước.
	109	- Bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường
	110	- Không bẻ cành, ngắt hoa	- Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối

1.3. Khối Chồi 4 – 5 tuổi

LĨNH VỰC	SỐ THỨ TỰ	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
Giáo dục phát triển thể chất	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi chạy làm theo người dẫn đầu + Chạy theo đường thẳng
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh nhạy của đôi mắt.	- Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
	4	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động	- Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương.

Giáo dục phát triển thể chất		nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	
	5	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: +Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất.
	6	- Biết phối hợp vận động các giác quan. Bắt tiến về phía trước.	Bắt tiến về phía trước.
	7	Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài.	Đi, bò chui qua cổng
	8	Phối hợp tay - mắt trong vận động +Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) +Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp (bóng 18cm)	Tung và đập bóng
	9	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: +Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m	2. Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang
	10	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m	Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	11	- Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn sấp
	12	- Cháu phát triển vận động như: Ném xa bằng 2 tay.	Ném xa bằng 2 tay
	13	- Biết phối hợp vận động các giác quan.Bắt liên tục qua 5 ô vuông.	Bắt liên tục qua 5 ô vuông.
	14	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo khi trèo lên xuống thang.	Trèo thang.
	15	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp vận động-các giác quan ném trúng đích.	Ném trúng đích, đích thẳng đứng.
	16	- Phát triển một số vận động cơ bản: Ném trúng đích đích thẳng đứng, đi ngang bước dòn theo trò chơi : chọn quả	- Đi ngang bước dòn theo trò chơi chọn quả
	17	- Phát triển một số vận động cơ bản: Bắt cụm chân theo 5 ô vuông, bật qua dây	- Bắt cụm chân theo 5 ô vuông
	18	- Phát triển sự phối hợp vận động-các giác quan	- Bật qua dây

Giáo dục phát triển thể chất	19	Phát triển một số vận động cơ bản mô phỏng các con vật; chạy, trườn sấp, bật tại chỗ, bật sâu, ném trúng đích.	Bật tại chỗ theo trò chơi” nhảy cao như bóng nảy”
	20	Phát triển sự nhanh nhẹn khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho trẻ.	Bật sâu 15 cm. Chạy 10 m
	21	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: +Ném trúng đích.	-Trườn sấp - Ném trúng đích theo trò chơi” cho cá ăn”
	22	- Trẻ phát triển khả năng vận động, mô phỏng lại công việc của 1 số nghề nghiệp quen thuộc.	- Chạy chui qua cổng theo trò chơi” thi xem tổ nào nhanh”
	23	- Trẻ biết các vận động cơ bản: chạy chui qua cổng, chạy nhanh.	- Chạy nhanh 15 m
	24	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu.	- Ném xa bằng 2 tay
	25	- Trẻ biết các vận động cơ bản: bật xa 35-40 cm.	- Bật xa 35-40cm
	26	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	- Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn tàu”
	27	- Phát triển một số vận động cơ bản, bò chạy, chui qua cổng	- Bài tập tổng hợp: Bò chui qua cổng
	28	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	- Đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
	29	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Xếp chồng 8-10 khối không đồ. + Vẽ hình tròn theo mẫu + Cắt được một đoạn dài 10cm. + Tự cài, cởi cúc	- Đan, tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé,dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô,vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc
	30	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường	Cháu có kỹ năng phân loại được các món ăn tại trường, và biết ăn uống nhai từ tốn, không nhai nhồm nhoàm, nói chuyện cười giỡn trong khi ăn.
	31	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường : cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh	- Cháu có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường.

Giáo dục phát triển thể chất		+ Cháu biết tập và rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt	+Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
	32	- Các cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
	33	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
	34	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
	35	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	36	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
	37	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức	Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mặt.v...
	38	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
	39	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	40	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
	41	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong

		giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	42	-Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Cách chế biến các món ăn	-Tên các món ăn quen thuộc hằng ngày
	43	-Cháu biết mỗi nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	44	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	45	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v..
Giáo dục phát triển nhận thức	46	- Quan tâm đến những thay đổi của đồ dùng, đồ chơi xung quanh. với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?","vì sao lá cây bị ướm?"	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. -Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. -Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
	47	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	48	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	49	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người

Giáo dục phát triển nhận thức	50	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	51	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	52	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
	53	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
	54	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
Giáo dục phát triển nhận thức	55	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
	56	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn
	57	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
	58	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	59	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
	60	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông , hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	61	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	62	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
	63	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
	64	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân

	65	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	66	- Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
	67	- Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	68	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	69	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	70	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	71	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	72	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	73	- Thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu
	74	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	75	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	76	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	77	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", " cái gì ?", " ở đâu?", " khi nào ?", " để làm gì?"
	78	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ	79	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
	80	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò về
	81	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe
	82	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Đóng kịch.
	83	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	84	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	85	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	86	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	87	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. " Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	88	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	89	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	90	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Trẻ biết vỗ tay vỗ tay, làm động tác mô phỏng - Biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
	91	Chú ý nghe, thích thú theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện theo chủ đề
	92	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình của các tác phẩm tạo hình.	Trẻ biết thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
	93	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ

Giáo dục phát triển thẩm mỹ	94	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.
	95	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.
	96	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
	97	Làm lốm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Trẻ biết làm lốm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
	98	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
	99	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
	100	Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
	101	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
	102	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
	103	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
	104	Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	105	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.
	106	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	107	Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Trẻ biết vẽ đẹp trong vận động, trong tạo hình, âm nhạc....
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	108	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ.
	109	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
	110	Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Hoàn thành công việc được giao
	111	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	112	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	113	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
	114	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lăng Bác
	115	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	116	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"-"sai" "tốt"-"xấu"
	117	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	118	Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	119	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	120	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	121	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Tiết kiệm điện, nước.
	122	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường
	123	Không bẻ cành, ngắt hoa	- Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối
	124	-Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	-Biết tiết kiệm nước, tiết kiệm điện khi không sử dụng

1.4. Khối Lá 5 – 6 tuổi

Lĩnh vực	Stt MT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời
	2	-Bật xa tối thiểu 50cm	- Bật qua vật cản 15 – 20cm - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 50 cm
	3	-Nhảy xuống từ độ cao 40 cm	- Bật tách, khép chân qua 7 ô. - Nhảy xuống từ độ cao 35 cm - Nhảy từ trên cao xuống 35 cm – 40cm

THỂ CHẤT (24 MỤC TIÊU)	4	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m) - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.
	5	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.
	6	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang
	7	Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc,cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò Zích zắc qua 7 điểm.cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m
	8	Biết Tự mặc và cởi quần áo.	*- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá.
	9	Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	10	Đi,đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp	- Đi và đập bắt bóng - Đi,đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
	11	Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đội trên đầu Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây,đi lên xuống trên ván dốc(dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m	Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuy gối. - Đi nổi bàn chân tiến lùi - Đi trên dây, Đi lên xuống trên ván dốc theo mục tiêu - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục.
	12	Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5-7),10 giây	Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5-7),10 giây *- Chạy theo đường zích zắc. - Chạy chậm khoảng 100 -120m
	13	Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy liên tục khoảng 100m - 120 không
	14	Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	*- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích

15	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	*- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
16	- Biết Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày	*- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng. đầu tóc mặt mũi...
17	Biết Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày	*- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản *- Biết bốn nhóm thực phẩm .Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh. - Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.
18	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	*- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh , ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
19	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	*- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
20	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm	*- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng , hành động sai
21	-Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	*- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình

			nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chăn nuôi, bãi rác, ...
	22	Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	*-Giáo Dục Trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, ru đi chơi...
	23	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm	*- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hột hột hạt làm ngạt thở, điện giật,... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
	24	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	*- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá.
	25	-Phát triển các cơ nhỏ của bàn tay	-Thông qua hoạt động: Tô màu, vẽ, viết, nặn, xé dán... thực hiện bài tập khéo léo. -Thông qua thau tác rửa tay, lau mặt...

LĨNH VỰC NHẬN THỨC	26	Biết nói một số thông tin quan trọng về trường Mn, bản thân và gia đình.	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học. - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).
---------------------------	----	--	--

		- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường
27	Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. - Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
28	Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật, đồ vật theo đặc điểm chung	a/Cây cối, con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. b/ Đồ dùng đồ chơi - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
29	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	a/ Con vật, cây. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối. b/ Hiện tượng tự nhiên: - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối.

			- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
30	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống		*- Biết tên gọi các mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. + Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè + Mùa Thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... + Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
31	Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.		*- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... . Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... -Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
32	– Biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng		*- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
33	* Phương tiện giao thông (đặc điểm...)		* Phương tiện giao thông. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 dấu hiệu.
34	- Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.		*- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học, ... - Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.
35	- Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.		*- Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội. - Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.

36	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	*- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...). - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
37	– Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	*- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
38	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	- a/ Đo độ dài - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - b/ Đo dung tích. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
39	– Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	*- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
40	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	*- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
41	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;	*- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
42	– Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;	*- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.
43	- Nói được ngày trên lôc lịch và giờ trên đồng hồ	*- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lôc lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ

	44	- Thích đặt câu hỏi;	*- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
	45	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	*- Làm một số thí nghiệm - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật hiện tượng nào đó. -Quan sát các sự vật , hiện tượng xung quanh
	46	Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;	*- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.
	47	- Biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;	- Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
	48	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc	*- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	49	Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	*- Đặt lời theo giai điệu một bài hát,bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích
	50	– Biết Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình;	*-Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
	51	Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các khác
	52	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	*- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể .

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			- Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	53	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	*- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	54	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	*- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	55	Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	56	- Nói rõ ràng;	*- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	57	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
	58	Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	59	Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
	60	Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	*- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
	61	Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;	Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến.

			- Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu.
62	Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;		Nghe một số câu chuyện trong chủ đề. - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật, lời nói hành động.
63	Biết cách khởi xướng cuộc trò ch		Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
64	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;		Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp
65	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp; Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;		Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
66	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;		Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
67	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;		*- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
68	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;		Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép.các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khoẻ ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
69	Không nói tục, chửi bậy.		Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
70	Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh		Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

71	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản	*- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
72	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	*- Xem, nghe đọc và tự “ đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
73	Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	*- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
74	- Có một số hành vi như người đọc sách;	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
75	“Đọc” theo truyện tranh đã biết;	*- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
76	Biết kể chuyện theo tranh.	*- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
77	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	*- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói.
78	Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;	Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết. *- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
79	Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;	*- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình

	80	Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;	Hướng viết của các nét chữ. - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô.
	81	Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Tô, đồ các nét chữ cái đã học. - Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	82	Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rồng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
	83	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	*- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ
	84	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	Dán hình theo ý thích, -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	85	Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi
	86	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc.
	87	Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	*- Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những ký hiệu theo ý thích - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	88	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	Hát, vận động, Nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
	89	- Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;	*- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm.

			- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái , tình cảm của bài hát.
	90	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc	Hát và Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp)
	91	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	92	Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	Vẽ , xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. - Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	93	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau	*- Vận động minh họa sáng tạo một số bài hát - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn) - Tạo Âm thanh nhạc cụ, tiếng gió , tiếng suối chảy...

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM-XÃ HỘI	94	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. - Một số thói quen hành vi văn minh
	95	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng
	96	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	Sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	97	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình.
	98	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	*- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học -Hoàn thành công việc được giao

99	Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay
100	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	*- Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. - Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
101	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
102	- Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;	Nhận biết và thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) - Tình cảm yêu thương và Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với các con vật - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. - Cảnh đẹp của quê em.
103	Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	*- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
104	Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc	Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
105	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
106	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	*- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân.

			- Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.
	107	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	*- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi.
	108	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	*- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.
	109	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	*- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.
	110	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.
	111	Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	*- Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
	112	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học. -Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.
	113	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện
	114	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;	*- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
	115	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	*- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.

116	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	*- Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
117	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi)
118	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng - Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người . - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
119	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn
120	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến
121	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... - Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học.
122	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp.
123	Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Nhận biết khả năng, sở thích của người thân, bạn bè. - Nói được sở thích và khả năng của người thân.
124	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;	Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng, màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) - Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân - Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình. - Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.

	125	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn
--	-----	---	---

C- DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC

NHÀ TRẺ: Nhóm 25 – 36 tháng tuổi (12 chủ đề):

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
*Trường mầm non của bé (3 tuần) (<i>Bé vui đến trường</i>)	Từ 09/09 đến 13/09/2024	Các bạn của bé ở lớp
	Từ 16/09 đến 20/09/2024	Đồ chơi của bé
	Từ 23/09 đến 27/09/2024	Đồ dùng cá nhân bé
* Gia đình thân yêu của bé (2 tuần)	Từ 30/09 đến 04/10/2024	Những người thân yêu của bé
	Từ 07/10 đến 11/10/2024	Công việc làm của những người trong gia đình bé
* Nhà bé có những đồ dùng nào ? (3 tuần) (<i>Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo, các bạn và em gái 20/10</i>)	Từ 14/10 đến 18/10/2024	Đồ dùng nấu ăn
	Từ 21/10 đến 25/10/2024	Đồ dùng ăn uống
	Từ 28/10 đến 01/11/2024	Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình bé
* Các loại rau, củ, quả và những bông hoa đẹp (4 tuần) (Kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11)	Từ 04/11 đến 08/11/2024	Bé biết những loại rau nào ? (rau cải, rau muống, rau dền...)
	Từ 11/11 đến 15/11/2024	Bé đoán xem củ gì ? (củ cà rốt, củ cải, củ dền...)
	Từ 18/11 đến 22/11/2024	Các loại quả mà bé yêu thích (Quả bí, quả mướp, quả bầu...)
	Từ 25/11 đến 29/11/2024	Đố bé những loại hoa gì ? (hoa cúc , hồng hồng, hoa trang)
* Những con vật nuôi trong gia đình (4 tuần) (Kỷ niệm ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12)	Từ 02/12 đến 06/12/2024	Những con vật có 2 chân (Gà trống, gà mái)
	Từ 09/12 đến 13/12/2024	Đố bé con vật gì? (Con gà, con vịt)
	Từ 16/12 đến 20/12/2024	Những con vật có 4 chân (Con thỏ, con lợn)
	Từ 23/12 đến 27/12/2024	Những con vật quen thuộc (Con chó, con mèo, con bò...)

* Các loại trái cây quen thuộc (2 tuần)	Từ 30/12 đến 03/01//2025	Các loại quả dạng tròn (quả cam, quả bưởi, quả táo)
	Từ 06/01 đến 10/01/2025	Các loại quả dạng dài (Quả chuối, quả đu đủ)
* Các loại hoa, quả, bánh trong ngày tết (2 tuần)	Từ 13/01 đến 17/01/2025	Các loại hoa, quả trong ngày tết (tổng hợp)
	Từ 20/01 đến 24/01/2025	Các loại bánh trong ngày tết (bánh chưng, bánh tét,...)
Nghỉ tết nguyên đán 27/01/ 2025 ➔ 02/02/2025		
* Phương tiện và luật giao thông (5 tuần) (Ngày tế phụ nữ 8/3)	Từ 03/02 đến 07/02/2025	Phương tiện giao thông đường bộ
	Từ 10/02 đến 14/02/2025	Phương tiện đường thủy
	Từ 17/02 đến 21/02/2025	Phương tiện đường sắt
	Từ 24/2 đến 28/2/2025	Phương tiện đường hàng không
	Từ 03/03 đến 07/03/2025	Các loại PTGT bé thích
* Bé biết con vật gì ? (3 tuần)	Từ 10/03 đến 14/03/2025	Các con vật sống dưới nước (Cá, tôm, cua, ốc)
	Từ 17/03 đến 21/03/2025	Những con vật sống trên cạn (con gà, con, con chó, con mèo, con heo...)
	Từ 24/3 đến 28/3/2025	Những con vật biết bay (con chim, con bướm, chuồn chuồn...)
* Con vật sống trong rừng (2 tuần) (10/03 Giỗ Tổ Hùng Vương AL)	Từ 31/03 đến 04/04/2025	Con vật sống trong rừng (Gấu, voi)
	Từ 07/04 đến 11/04/2025	Đố bé con vật gì? (Con khỉ, con hổ)
* Mùa hè bé yêu (3 tuần) (Ngày GP Miền Nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5)	Từ 14/04 đến 18/4/2025	Bé yêu mùa hè
	Từ 21/04 đến 25/4/2025	Thời tiết + Trang phục mùa hè
	Từ 28/04 đến 02/5/2025	Tổ chức hoạt động trải nghiệm
	Từ 05/5 đến 10/05/2025	Ăn, uống phù hợp mùa hè
Bác Hồ với các cháu thiếu nhi (2 tuần) QTTN 1-6	Từ 12/05 đến 16/05/2025	Bác Hồ
	Từ 19/05 đến 23/05/2025	Bé lên mẫu giáo

* **KHÔI MÀM** (12 chủ đề):

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
TRƯỜNG MN	09 → 13/9/2024	Bé đến trường

(3 tuần)	16 → 20/9/2024	Lớp học của bé (<i>Tết trung thu</i>)
	23 → 27/9/2024	Đồ dùng đồ chơi của lớp
BẢN THÂN (4 tuần)	30/9 → 4/10/2024	Bé là ai
	07 → 11/10/2024	Cơ thể bé có gì
	14 → 18/10/2024	Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh (<i>20/10</i>)
	21 → 25/10/2024	Sở thích của bé
GIA ĐÌNH (4 tuần)	28/10 → 01/11/2024	Gia đình nhỏ của bé
	04 → 08/11/2024	Nơi ở của gia đình bé
	11 → 15/11/2024	Gia đình và những người thân
	18 → 22/11/2024	Đồ dùng trong gia đình (<i>20/11</i>)
MỘT SỐ NGHỀ (5 tuần)	25/11 → 29/11/2024	Nghề giáo viên
	02 → 06/12/2024	Cô chú công nhân
	09 → 13/12/2024	Cô y tá – Bác sĩ
	16 → 20/12/2024	Công an – Chủ bộ đội
	23 → 27/12/2024	Bé yêu thích nghề nào
HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần)	30/12 → 03/01/2025	Nước có ở đâu
	06 → 10/01/2025	Thời tiết (nắng, mưa, gió)
TẾT – MÙA XUÂN (2 tuần)	13 → 17/01/2025	Cảnh vật mùa xuân
	20 → 24/01/2025	Tết cổ truyền
Nghỉ tết nguyên đán 27/01/2025 → 02/02/2025		
QUÊ HƯƠNG BÉ (2 tuần)	03/2 → 07/02/2025	Cảnh đẹp quê hương
	10/2 → 14/02/2025	Làng nghề quê bé
CÁC LOẠI HOA – QUẢ BÉ THÍCH (2 tuần)	17 → 21/02/2025	Các loài hoa bé yêu thích
	24 → 28/02/2025	Bé biết những loại quả gì
VƯỜN NHÀ BÉ CÓ GÌ (4 tuần)	03/3 → 07/3/2025	Vườn rau nhà bé (<i>8/3</i>)
	10/3 → 14/3/2025	Một số cây kiểng
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (2 tuần)	17 → 21 /3/2025	Bé biết một số loại xe máy, xe ô tô, xe buýt
	24 → 28/3/2025	Tàu, thuyền, ca nô phương tiện giao thông đường gì?
THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT(4 tuần)	31/03 → 04/4/2025	Con vật thuộc nhóm gia cầm
	07/4 → 11/4/2025	Những con vật thuộc nhóm gia súc
	14/4 → 18/4/2025	Các con vật sống dưới nước
	21 → 25/4/2025	Một số con vật sống trong rừng
QUÊ HƯƠNG - THỦ ĐÔ- BÁC HỒ (3 tuần)	28/4 → 02/5/2025	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (nghỉ lễ 30/4, 1/5)
	05/5 → 09/5/2025	Thủ đô Hà Nội
	12 → 16/5/2025	Bác Hồ kính yêu của bé (Sinh nhật Bác Hồ 19/5)

	19 → 23/5/2025	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi – nhi đồng
--	----------------	--

*** KHÔI CHÒI (13 chủ đề):**

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
TRƯỜNG MN (3 tuần) TẾT TRUNG THU	Từ 09/09 đến 13/09/2024	Ngày hội của bé đến trường
	Từ 16/09 đến 20/09/2024	Bé và các bạn trong lớp
	Từ 23/09 đến 27/09/2024	Công việc của các cô chú trong trường
BẢN THÂN BÉ (3 tuần)	Từ 30/09 đến 04/10/2024	Cơ thể bé xinh đẹp
	Từ 07/10 đến 11/10/2024	Sở thích của bé
	Từ 14/10 đến 18/10/2024	Bé ăn đủ các chất để khỏe mạnh
GIA ĐÌNH CỦA BÉ (3 tuần)	Từ 21/10 đến 25/10/2024	Bố mẹ và những người thân yêu của bé
	Từ 28/10 đến 01/11/2024	Nơi ở gia đình và người thân của bé
	Từ 04/11 đến 08/11/2024	Một số đồ dùng trong gia đình
MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ BÉ BIẾT (4 tuần) 20/11 NGVN	Từ 11/11 đến 15/11/2024	Chú công nhân đáng yêu
	Từ 18/11 đến 22/11/2024	Cô thợ may dễ thương
	Từ 25/11 đến 29/11/2024	Chú bộ đội , chú công an
	Từ 02/12 đến 06/12/2024	Nghề bác sĩ
CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (3 tuần) QĐND VN 22/12	Từ 09/12 đến 13/12/2024	Nước xung quanh bé
	Từ 16/12 đến 20/12/2024	Ngày và đêm
	Từ 23/12 đến 27/12/2024	Vòng tuần hoàn của nước
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (2 tuần)	Từ 30/12 đến 03/01//2025	Các loại giao thông đường bộ
	Từ 06/01 đến 10/01/2025	Bé biết một số luật giao thông
MÙA XUÂN – TẾT (2 tuần)	Từ 13/01 đến 17/01/2025	Mùa xuân quê em
	Từ 20/01 đến 24/01/2025	Ngày tết cổ truyền quê em
Nghỉ tết nguyên đán 27/01/ 2025 ➔ 02/02/2025		
QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ CÓ GÌ (2 tuần)	Từ 03/02 đến 07/02/2025	Lễ hội quê bé
	Từ 10/02 đến 14/02/2025	Quê hương quê em có gì (Danh lam ,thắng cảnh)
THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần)	Từ 17/02 đến 21/02/2025	Những loài hoa dễ thương
	Từ 24/2 đến 28/2/2025	Một số quả bé thích

NGÀY 8/3	Từ 3/03 đến 07/03/2025	Bé biết các loại rau củ quả
	Từ 10/03 đến 14/03/2025	Cây xanh và môi trường
BÉ BIẾT CON VẬT SỐNG Ở ĐÂU (2 tuần)	Từ 17/03 đến 21/03/2025	Con vật nuôi trong nhà
	Từ 24/3 đến 28/3/2025	Con vật sống dưới nước
NHỮNG CON VẬT BÉ THÍCH (3 tuần)	Từ 31/03 đến 04/04/2025	Con vật sống trong rừng (Thỏ, nai,..)
	Từ 07/04 đến 11/04/2025	Động vật biết bay (các loài chim)
	Từ 14/04 đến 18/4/2025	Những chú bướm dễ thương
BÉ ĐÓN HÈ (3 tuần)	Từ 21/04 đến 25/4/2025	Mùa hè của bé
	Từ 28/4 đến 02/05/2025	Tổ chức hoạt động trải nghiệm
	Từ 05/05 đến 10/05/2025	Mùa hè quê bé
QUÊ HƯƠNG - THỦ ĐÔ - BH CỦA BÉ (2 tuần)	Từ 12/05 đến 16/05/2025	Bác hồ với các cháu thiếu nhi
	Từ 19/05 đến 23/05/2025	Ngày tết thiếu nhi

* **KHÔI LÁ** (14 chủ đề):

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
TRƯỜNG MN (2 tuần) TTT	Từ 09/09 đến 13/09/2024	Ngôi trường Hoa Lan của bé
	Từ 16/09 đến 20/09/2024	Công việc của các cô chú trong trường MN
BẢN THÂN BÉ (3 tuần)	Từ 23/09 đến 27/09/2024	Bé là ai?
	Từ 30/09 đến 04/10/2024	Cơ thể của bé
	Từ 07/10 đến 11/10/2024	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh
GIA ĐÌNH CỦA BÉ (3 tuần) 20/10	Từ 14/10 đến 18/10/2024	Ngôi nhà của bé
	Từ 21/10 đến 25/10/2024	Những người thân yêu trong nhà bé
	Từ 28/10 đến 01/11/2024	Nhu cầu của gia đình bé
BÉ BIẾT MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ (2 tuần)	Từ 04/11 đến 08/11/2024	Nghề xây dựng
	Từ 11/11 đến 15/11/2024	Chú bộ đội, chú công an
BÉ TẬP LÀM NGƯỜI LỚN (2 tuần) 20/11	Từ 18/11 đến 22/11/2024	Nghề giáo viên (20-11)
	Từ 25/11 đến 29/11/2024	Nghề bác sĩ
THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 tuần) 22/12	Từ 02/12 đến 06/12/2024	Con vật nuôi trong nhà
	Từ 09/12 đến 13/12/2024	Con vật sống dưới nước

	Từ 16/12 đến 20/12/2024	Côn trùng
	Từ 23/12 đến 27/12/2024	Bảo vệ động vật sống trong rừng
CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (2 tuần)	Từ 30/12 đến 03/01//2025	Nước có từ đâu ?
	Từ 06/01 đến 10/01/2025	Các hiện tượng thiên nhiên
MÙA XUÂN – TẾT (2 tuần)	Từ 13/01 đến 17/01/2025	Mùa xuân tươi đẹp
	Từ 20/01 đến 24/01/2025	Tết cổ truyền
Nghỉ tết nguyên đán 25/01/ 2025 ➔ 02/02/2025		
LỄ HỘI DANH LAM THẮNG CẢNH, DI TÍCH QUÊ EM (2 tuần)	Từ 03/02 đến 07/02/2025	Lễ hội quê bé
	Từ 10/02 đến 14/02/2025	Danh lam thắng cảnh quê bé
AN TOÀN GIAO THÔNG (3 tuần) 8/3	Từ 17/02 đến 21/02/2025	Một số phương tiện giao thông bé biết
	Từ 24/02 đến 28/02/2025	Các loại biển báo giao thông
	Từ 03/3 đến 07/3/2025	Bé học Luật giao thông
THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần)	Từ 10/03 đến 14/03/2025	Cây xanh và môi trường sống
	Từ 17/03 đến 21/03/2025	Các loại hoa bé yêu
	Từ 24/03 đến 28/03/2025	Các loại quả bé thích
	Từ 31/3 đến 04/4/2025	Các loại rau – củ quanh bé
QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ (2 tuần)	Từ 07/04 đến 11/04/2025	Khu phố của bé
	Từ 14/04 đến 18/04/2025	Bình dương quê bé
QH – TĐ BÁC HỒ CỦA BÉ (2 tuần)	Từ 21/04 đến 25/4/2025	Thủ đô Hà nội
	Từ 28/04 đến 02/5/2025	Tổ chức hoạt động trải nghiệm
	Từ 05/5 đến 09/05/2025	Bác Hồ kính yêu
BÉ VÀO LỚP 1 (2 tuần)	Từ 12/05 đến 16/05/2025	Trường Tiểu học
	Từ 19/05 đến 23/05/2025	Bé chuẩn bị vào lớp 1

D- CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**NHÀ TRẺ: Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:**

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC TRONG NGÀY
6 ^h 30 → 7 ^h 0	Vệ sinh lớp – Đón trẻ
7 ^h 0 → 7 ^h 15	Thẻ đục sáng - Điểm danh
7 ^h 15 → 8 ^h 0	Ăn sáng
8 ^h 0 → 8 ^h 40	Hoạt động ngoài trời
8 ^h 40 → 9 ^h 10	Vệ sinh – Uống sữa
9 ^h 10 → 9 ^h 30 (9 ^h 10 → 9 ^h 35)	Hoạt động có chủ định – Chơi trò chơi ngắn
9 ^h 30 → 10 ^h 10 (9 ^h 30 → 10 ^h 15)	Hoạt động vui chơi
10 ^h 10 → 11 ^h 10	Vệ sinh - Ăn trưa
11 ^h 10 → 11 ^h 30	Chơi tự do
11 ^h 30 → 14 ^h 00	Ngủ Trưa
14 ^h 00 → 15 ^h 00	Vệ sinh – Vận động nhẹ - Ăn phụ
15 ^h 00 → 15 ^h 30	Hoạt động chiều ; Hoạt động phòng máy
15 ^h 30 → 16 ^h 00	Vệ sinh - Ăn chiều
16 ^h 00 → 16 ^h 30	Chơi tự do
16 ^h 30 → 17 ^h 00	Vệ sinh - Trả trẻ

LỊCH SINH HOẠT KHỐI MẦM 1

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 20	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 8g 10	ĂN SÁNG				
8g 10 => 8g 50	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
	HOẠT ĐỘNG HỌC				
8 g 50 =>9 g 10 Thời gian 1 tiết	GDAN	KPKH	LQVT	LQVH-PTNN	Tạo hình
8 g 50 =>9 g 20 Thời gian 2 tiết		TDGH			
9g 10 => 10g10 vui chơi 1 tiết	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
9g 20 => 10g 10 vui chơi 2 tiết					
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g 15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
14g 15=>14g 50	HDTC mới	TTVS	THNTH	Ôn luyện LQCC	SHTT
14g50 =>15g15		HĐ ngoại khóa	HĐ ngoại khóa	HĐ phòng máy	HĐ ngoại khóa
15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG				

16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ
--------------	---------

LỊCH SINH HOẠT KHỐI MẦM 2

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 20	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 8g 10	ĂN SÁNG				
8g 10 => 8g 50	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
	HOẠT ĐỘNG HỌC				
8 g 50 =>9 g 10 Thời gian 1 tiết	GDAN	KPKH	LQVT	LQVH-PTNN	Tạo hình
8 g 50 =>9 g 20 Thời gian 2 tiết		TDGH			
9g 10 => 10g10 vui chơi 1 tiết	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
9g 20 => 10g 10 vui chơi 2 tiết					
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g 15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
14g 15=>15g15	HDTC mới	TTVS	THNTH	Ôn luyện LQCC	SHTT
		Anh văn	TDNĐ	Anh văn	TDNĐ

15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ

LỊCH SINH HOẠT KHỐI CHỒI 1

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 20	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 8g 10	ĂN SÁNG				
8g 10 => 8g 50	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8 g 50 =>9 g 15 (T.gian 1 tiết)	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	TDGH	LQVT	KPKH	LQVH-PTNN	GDAN
8 g 50 => 9 g 30 (T.gian 2 tiết)			Tạo hình		
9g 20 => 10g10 (T.gian 1 tiết)	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
9g 30 => 10g10 (T.gian 2 tiết)					
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
14g15=>14g 50	HDTC mới	TTVS	Ôn luyện LQCC	THNTH	SHTT
14g50 =>15g15		Hđ. ngoại khóa	HĐ phòng máy	Hđ. ngoại khóa	

15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ

LỊCH SINH HOẠT KHỐI CHỒI 2

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 20	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 8g 10	ĂN SÁNG				
8g 10 => 8g 50	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8 g 50 =>9 g 15 <i>(T.gian 1 tiết)</i>	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	TDGH	LQVT	KPKH	LQVH-PTNN	GDAN
			Tạo hình		
8 g 50 => 9 g 30 <i>(T.gian 2 tiết)</i>					
9g 20 => 10g10 <i>(T.gian 1 tiết)</i>	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
9g 30 => 10g10 <i>(T.gian 2 tiết)</i>					
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				

14g15=>15g15	HDTC mới	TTVS	Ôn luyện LQCC	THNTH	SHTT
		Hđ. ngoại khóa	HĐ phòng máy	Hđ. ngoại khóa	
15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG				
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ				

LỊCH SINH HOẠT KHỐI LÁ 1

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 15	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 7g 40	ĂN SÁNG				
7g 40 => 8g 10	HOẠT ĐỘNG HỌC TIẾT 1				
	KPKH	Tạo hình	TDGH	LQVT	LQCV
8g 20 => 9g 0	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9 g 0 => 9 g 30	HOẠT ĐỘNG HỌC TIẾT 2				
		LQVH-PTNN		GDAN	
9g 30 => 10g 10	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI (Ngày 2 tiết thời gian chơi 30 phút)				
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				
14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				

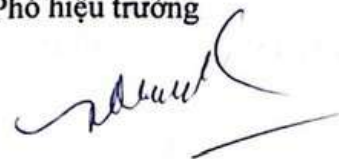
14g 15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU (Tuần cuối chủ đề BTLNT)				
<i>14g15=>14g50</i>	<i>HDTC mới</i>	<i>TTVS</i>	Bé học học viết	<i>THNTH</i>	<i>SHTT</i>
<i>14g50 =>15g 15</i>	<i>HĐ ph. Máy</i>	<i>Hđ. Ngoại khóa</i>		<i>Hđ. Ngoại khóa</i>	
15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG				
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ				

LỊCH SINH HOẠT KHỐI LÁ 2

THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6g 30 =>7g0	ĐÓN TRẺ				
7g 0 => 7g 15	THỂ DỤC SÁNG				
7g 20 => 7g 40	ĂN SÁNG				
7g 40 => 8g 10	HOẠT ĐỘNG HỌC TIẾT 1				
	KPKH	Tạo hình	TDGH	LQVT	LQCV
8g 20 => 9g 0	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9 g 0 => 9 g 30	HOẠT ĐỘNG HỌC TIẾT 2				
		LQVH-PTNN		GDAN	
9g 30 => 10g 10	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
	<i>(Ngày 2 tiết thời gian chơi 30 phút)</i>				
10g 10 => 10g 30	Vệ sinh chuẩn bị ăn trưa				
10g30 =>11g30	ĂN TRƯA				
11g30 => 14 g	NGỦ TRƯA				

14g 0 => 14g15	Vệ sinh sau khi ngủ dậy				
14g 15 =>15g30	HOẠT ĐỘNG CHIỀU (Tuần cuối chủ đề BTLNT)				
14g15=>14g50	<i>HDTC mới</i>	<i>TTVS</i>	Bé học học viết	<i>THNTH</i>	<i>SHTT</i>
14g50 =>15g 15		<i>Hđ. Ngoại khóa</i>		<i>Hđ. Ngoại khóa</i>	<i>HĐ ph. Máy</i>
15g30 => 16g15	VỆ SINH - ĂN CHIỀU				
16g15 =>16g30	NÊU GƯƠNG				
16g30=>17g 0	TRẢ TRẺ				

Phó hiệu trưởng



TRƯƠNG QUỐC QUỐC

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG




Trần Minh Châu